

Số: 526/QĐ- PGDDĐT

Uông Bí, ngày 19 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm và cấp kinh phí hỗ trợ Học phí học kỳ II Năm học 2021-2022 cho các trường Mầm non, THCS, TH&THCS công lập; các trường Mầm non ngoài công lập theo quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Công văn số 2748/LS-GDDĐT-TC ngày 07/10/2021 Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính hướng dẫn “Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Căn cứ Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí kỳ II năm học 2021-2022 cho các trường Mầm non, THCS, TH&THCS công lập; các trường Mầm non ngoài công lập theo quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Quyết định số 11826/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGDĐT ngày 04/01/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bí về việc giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị;

Theo đề nghị của Phụ trách kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm và cấp kinh phí hỗ trợ học phí kỳ II năm học 2021-2022 như sau:

- Điều chỉnh giảm kinh phí tự chủ: 318.811.900đ (*Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, tám trăm mười một ngàn chín trăm đồng*) của các trường Mầm non, THCS, TH&THCS công lập. Đồng thời chuyển số kinh phí của các trường về Phòng Giáo dục Đào tạo quản lý, nguồn tự chủ Sự nghiệp giáo dục (nguồn 13 – 098).

- Cấp kinh phí cho các trường mầm non ngoài công lập số tiền: **159.975.000đ. (Một trăm năm chín triệu chín trăm bảy lăm ngàn đồng chẵn)** từ nguồn không tự chủ của phòng Giáo dục và Đào tạo được thành phố cấp dự toán đầu năm.

Có biểu danh sách gửi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ số kinh phí đã giao đầu năm cho các đơn vị, điều chỉnh, bổ sung, cấp số kinh phí trên để các đơn vị trường học thực hiện; Các đơn vị trường học có trách nhiệm quản lý, sử dụng và báo cáo quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trường học, Kho bạc nhà nước Ưông Bí, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính-Kế hoạch (phối hợp thực hiện)
- Như Điều 2, Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT- PGDĐT.

TRƯỞNG PHÒNG

Phan Hồng Anh

BIỂU TẶNG, GIÁM KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 -2022 (TRƯỜNG CÔNG LẬP)

Kèm theo Quyết định số 526/QĐ-PGDĐT ngày 19/5/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bí)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng số tiền học phí kỳ II	Trong đó		Số kinh phí giao đầu năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm + thu lại - cấp bù	Ghi chú
			60% kinh phí hoạt động	40% dự nguồn CCTL để tại NSTP			
1	2	3	4	5	6	7 = 6-4	8
	TỔNG SỐ	2.998.513.500	1.799.108.100	1.199.405.400	2.117.920.000	318.811.900	
	KHỐI MÀM NON	770.220.000	462.132.000	308.088.000	939.010.000	476.878.000	
1	MN 19/5	44.500.000	26.700.000	17.800.000	91.880.000	65.180.000	Thu lại
2	MN Phương Nam	91.250.000	54.750.000	36.500.000	67.500.000	12.750.000	Thu lại
3	MN Quang Trung	74.500.000	44.700.000	29.800.000	144.380.000	99.680.000	Thu lại
4	MN Trung Vương	62.750.000	37.650.000	25.100.000	90.000.000	52.350.000	Thu lại
5	MN Bắc Sơn	61.000.000	36.600.000	24.400.000	18.000.000	(18.600.000)	Cấp bù
6	MN Thương Yên Công	8.400.000	5.040.000	3.360.000	16.200.000	11.160.000	Thu lại
7	MN Vàng Danh	43.000.000	25.800.000	17.200.000	65.625.000	39.825.000	Thu lại
8	MN Nam Khê	37.000.000	22.200.000	14.800.000	27.750.000	5.550.000	Thu lại
9	MN Thanh Sơn	123.000.000	73.800.000	49.200.000	196.875.000	123.075.000	Thu lại
10	MN Yên Thanh	60.000.000	36.000.000	24.000.000	97.500.000	61.500.000	Thu lại
11	MN Phương Đông	140.000.000	84.000.000	56.000.000	87.000.000	3.000.000	Thu lại
12	MN Điện Công	19.500.000	11.700.000	7.800.000	25.500.000	13.800.000	Thu lại
13	MN Đồng Chanh	5.320.000	3.192.000	2.128.000	10.800.000	7.608.000	Thu lại



STT	Đơn vị	Tổng số tiền học phí kỳ II	Trong đó		Số kinh phí giao đầu năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm + thu lại - cấp bù	Ghi chú
			60% kinh phí hoạt động	40% dự nguồn CCTL để tại NSTP			
1	2	3	4	5	6	7 = 6-4	8
	KHỐI THCS	2.228.293.500	1.336.976.100	891.317.400	1.178.910.000	(158.066.100)	
1	THCS Yên Thanh	157.356.000	94.413.600	62.942.400	101.520.000	7.106.400	Thu lại
2	THCS Trần Quốc Toản	452.892.000	271.735.200	181.156.800	291.240.000	19.504.800	Thu lại
3	THCS Nguyễn Trãi	431.460.000	258.876.000	172.584.000	276.480.000	17.604.000	Thu lại
4	THCS Trung Vương	189.222.000	113.533.200	75.688.800	120.960.000	7.426.800	Thu lại
5	THCS Bắc Sơn	113.082.000	67.849.200	45.232.800	17.820.000	(50.029.200)	Cấp bù
6	THCS Lý Tự Trọng	27.565.500	16.539.300	11.026.200	17.460.000	920.700	Thu lại
7	THCS Nguyễn Văn Cừ	222.780.000	133.668.000	89.112.000	142.560.000	8.892.000	Thu lại
8	THCS Phương Nam	226.164.000	135.698.400	90.465.600	72.270.000	(63.428.400)	Cấp bù
9	THCS Phương Đông	287.640.000	172.584.000	115.056.000	92.520.000	(80.064.000)	Cấp bù
10	TH&THCS Điện Công	22.842.000	13.705.200	9.136.800	14.760.000	1.054.800	Thu lại
11	TH&THCS Nam Khê	97.290.000	58.374.000	38.916.000	31.320.000	(27.054.000)	Cấp bù

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Thị Thúy Vinh

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Anh

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU TẶNG, GIÁM KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 -2022 (NGOÀI CÔNG LẬP)

(Kèm theo Quyết định số 526/QĐ-PGDĐT ngày 19/5/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bí)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Số học phí kỳ I còn dư tại đơn vị do học sinh nghỉ học PC Covid19	Tổng số tiền học phí kỳ II được hỗ trợ	Số tiền còn phải cấp	Số kinh phí đã cấp đầu năm 2022 (để tại phòng GD-ĐT)	Chênh lệch tăng, giảm	Ghi chú
I	2	3	4	5=4-3	6	7=6-5	8
	TỔNG SỐ	23.150.000	183.125.000	159.975.000	437.000.000	277.025.000	Tại PGDĐT
1	Trường MN Hoa Lan	11.575.000	82.375.000	70.800.000			
2	Trường MN Edukids UB	10.395.000	59.750.000	49.355.000			
3	Trường MN song ngữ Montessori Vân Anh	1.180.000	41.000.000	39.820.000			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Thị Thúy Vinh

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Anh